

Số: /BC-THPTBB

Bầu Bàng, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Bầu Bàng báo cáo công khai năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: TRƯỜNG THPT BÀU BÀNG

2. Địa điểm trụ sở: Trường THPT Bầu Bàng được đặt Ấp Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.599.050;

- Địa chỉ trang điện tử: thpt-baubang@sgdbinhduong.edu.vn

- Website: <http://www.thptbaubang.edu.vn>

3. Loại hình: Trường công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT Tỉnh Bình Dương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

- Sứ mạng: Trường THPT Bầu Bàng có sứ mạng tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Tầm nhìn: Là một trong những trường THPT có chất lượng cao, ổn định của tỉnh Bình Dương mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện; Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới những tầm cao mới.

- Mục tiêu: Xây dựng trường chuẩn quốc gia; xây dựng tính **Đoàn kết, trách nhiệm, sáng tạo, hội nhập, phát triển** của học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Sau khi huyện Bầu Bàng được thành lập năm 2014, ngày 11/4/2014, UBND tỉnh ra Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc tách trường Trung học phổ thông Lai Uyên thành trường THCS Lai Uyên và Trường THPT Bầu Bàng.

Năm học 2014 - 2015, trường có 20 lớp với tổng số 645 học sinh. Năm học

đầu tiên, trường có 65 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Số GV, NV có trình độ đại học 59/65, tỉ lệ 90,76% (có 1 GV dạy môn Quốc phòng – an ninh có trình độ cao đẳng do chưa có lớp đào tạo đại học môn này, 1 văn thư, 1 y tế trình độ trung cấp và 2 bảo vệ, 1 nhân viên phục vụ không cần trình độ). Đến năm học 2023-2024, trường có 39 lớp với tổng số 1655 học sinh. Đội ngũ CBGVNV nhà trường với tổng số là 71. Chi bộ nhà trường trực thuộc Huyện ủy Bàu Bàng với 37 đảng viên.

Khác với những trường ở các vùng trung tâm thị xã, thị trấn luôn coi sự phát triển của nhà trường gắn với nhiều hoạt động, nhiều mục tiêu khác nhau. Chi bộ, Ban giám hiệu, Hội đồng sư phạm nhà trường luôn coi việc nâng cao chất lượng dạy và học mà cụ thể là từng bước hạ tỷ lệ học sinh yếu kém, hạn chế học sinh nghỉ bỏ học, giúp các em nắm vững kiến thức cơ bản, hướng tới thi tốt nghiệp THPT là việc làm thường xuyên, trọng tâm qua từng năm học, sau đó mới tính đến các mục tiêu khác (thi học sinh giỏi, tham gia thi thể dục thể thao, hoạt động văn nghệ...). Việc xác định đúng nhiệm vụ của nhà trường trong từng năm học đã từng bước mang lại những kết quả vững chắc trong suốt hơn 10 năm qua.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Người đại diện: ông Phạm Tấn Bình.

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại: 0918.860059

Địa chỉ thư điện tử: binhpt@baubang.sgdbinhduong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2014.

b. Hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 1735/SGDDĐT ngày 02/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Bàu Bàng nhiệm kỳ 2020 - 2025. Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 1741/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Sở GDĐT Bình Dương.

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng:

Hiệu trưởng Phạm Tấn Bình được bổ nhiệm theo Quyết định số 1815/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2022.

Phó Hiệu trưởng Huỳnh Thị Thu Thủy được bổ nhiệm theo Quyết định số 605/QĐ-SGDDT ngày 01 tháng 6 năm 2021.

Phó Hiệu trưởng Phan Thị Hoi được bổ nhiệm theo Quyết định số 797/QĐ-SGDDT ngày 27 tháng 3 năm 2023.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

- Quyết định số 328/QĐ-THPTBB ngày 12/9/2024 về việc ban hành quy chế làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT Bàu Bàng;

- Quyết định số 329/QĐ-THPTBB ngày 12/9/2024 về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THPT Bàu Bàng.

- Tổ chức bộ máy nhà trường:

+ Chi bộ trực thuộc Huyện ủy Bàu Bàng, hiện có 30 đảng viên.

+ Ban Lãnh đạo: 03 (Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng)

+ Các Đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Các tổ: 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của nhà trường (nếu có): không có

e. Lãnh đạo nhà trường:

- Hiệu trưởng: ông Phạm Tấn Bình - SĐT: 0918.860.059

Địa chỉ thư điện tử: binhpt@baubang.sgdbinhduong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Phó Hiệu trưởng: Huỳnh Thị Thu Thủy - SĐT: 0986.080.630

Địa chỉ thư điện tử: thuyhtt@baubang.sgdbinhduong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Phó Hiệu trưởng: Phan Thị Hoi - SĐT: 0976.339.388

Địa chỉ thư điện tử: hoipt@baubang.sgdbinhduong.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

8. Các văn bản khác

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 76

- Cán bộ quản lý: 03, bao gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Giáo viên: 64 (02 hợp đồng ngắn hạn).

- Nhân viên: 09 (01 hợp đồng ngắn hạn).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: Tất cả Giáo viên, nhân viên làm việc đúng vị trí việc làm.

2. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên

a) Đối với cán bộ quản lý: 3/3 được đánh giá xếp loại khá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, đạt tỉ lệ 100%.

b) Đối với giáo viên: 100% giáo viên được xếp loại Khá, Tốt chuẩn giáo viên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có diện tích đất 25.601,3 m², với diện tích đất bình quân 13.2m²/học sinh đảm bảo điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định. Trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị, khối phòng học và khối phòng phục vụ học tập chưa đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018. Các lớp học sạch sẽ, đủ ánh sáng, diện tích nhỏ, thiết bị dạy học của chương trình GDPT 2018 chưa được cấp theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ cho CBGVNV và học sinh (năm học 2024-2025)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	46	1,15 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	46	1,15 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	16	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	46	1,15 m ² /Hs
7	Bình quân lớp/phòng học	45/46	1.02
8	Bình quân học sinh/lớp	1940/45	43.1
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	25601.3 m ²	13.2 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	21770 m ²	11.2 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	13908 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	11.215 m ²	5.78 m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1728 m ²	0.9 m ² /Hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	140 m ²	0.07 m ² /Hs

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800 m ²	0.41 m ² /Hs
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn, phòng truyền thống (m²)</i>	25 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	Chưa xác định	Chưa xác định
1.1	Khối lớp 10	1 bộ	1 bộ / 17 lớp
1.2	Khối lớp 11	1 bộ	1 bộ / 15 lớp
1.3	Khối lớp 12	1 bộ	1 bộ / 13 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Chưa xác định	Chưa xác định
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	100 m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	144	0.07
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu	14	
5	Thiết bị khác...	0	
X		Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
1		Ti vi	04
2		Cát xét	07
3		Đầu Video/đầu đĩa	00
4		Máy chiếu	56
5		Thiết bị khác...	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
XI	Nhà bếp	210
XII	Nhà ăn	1.236

Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú (36)	800	2 (m ²)
XIV	Khu nội trú	0	0

XV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
Chung	Nam/Nữ	Riêng	Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7	10	0.15m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn VS*	0	0	0 m ²
	Nội dung	Có	Không	
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		
XVIII	Kết nối internet	x		
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x		
XX	Tường rào xây	x		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hiện tại Trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT, nguyên nhân:

- Cơ sở vật chất chưa đạt yêu cầu.
- Đội ngũ còn thiếu

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Toàn trường (Số liệu năm học 2023-2024):

Hành kiểm:

	Tốt		Khá		TB (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)	
Sĩ số	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1655	1496	90.39	119	7.19	30	1.81	10	0.6
So sánh NH 2022-2023	Tăng 1.74%		Giảm 2.6 %		Tăng 0.53%		Tăng 0.32%	

Học lực:

	Giỏi (Tốt)		Khá		TB (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)		Kém	
Sĩ số	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1655	247	14.92	858	51.84	534	32.27	16	1	0	0
So sánh NH 2022-2023	Tăng 2.51%		Tăng 7.44%		Giảm 6.6%		Giảm 3.26%		Giảm 0.07	

- Tỷ lệ học sinh nghỉ bỏ học: 13/1655, tỷ lệ 0.8%, giảm so với năm học 2022-2023.

- Tỷ lệ học sinh TN THPT: 100% (453/453 HS)

- Tỷ lệ học sinh đỗ ĐH, CĐ: 387/453 (85.4%)

- Kết quả tham gia các Hội thi, phong trào:

+ Sáng kiến và đề tài nghiên cứu: Số lượng 08, Sở công nhận 04.

+ Học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh: đạt 03 Giải ba (02 môn hoá và 01 môn GDCD) và 05 Giải Khuyến khích (03 môn GDCD, 01 môn Hoá; 01 môn Sinh)

+ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh đạt 01 Giải Khuyến khích

+ Thi Olympic các môn KHTN-KHXH: đạt 03 Giải Khuyến khích

+ Thi học sinh giỏi toán giải thưởng Lương Thế Vinh: đạt 01 Giải Khuyến khích

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023

Ngân sách nhà nước thực nhận năm 2023: 12.356.281.310 đồng

+ Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên: 8.839.873.773 đồng

+ Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên: 3.496.341.529 đồng

- Kinh phí quyết toán trong năm:

+ Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên: 8.839.873.773 đồng

+ Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên: 3.496.341.529 đồng

- Nguồn hoạt động khác được để lại:

+ Số dư năm trước chuyển sang: 128.844.000 đồng

+ Dự toán được giao trong năm: 1.022.000.000 đồng

+ Số thu được trong năm: 3.698.197.300 đồng

+ Số sử dụng trong năm: 3.684.697.774 đồng

+ Số dư chuyển sang năm sau: 147.533.651 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kết quả chuyển đổi số năm học 2023-2024: Công tác quản trị nhà trường: đạt mức độ 2

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của trường THPT
Bàu Bàng.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Website: <http://thptbaubang.edu.vn>;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Tấn Bình